

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2134/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị T, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2385/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200724/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2807/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1979

Số căn cước công dân: 074179005848

Nơi thường trú: 118/7 T, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: ông Lê Tấn B, sinh năm 1977

Số chứng minh nhân dân: 023239709

Nơi thường trú: 118/7 T, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2023 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Tấn B tự nguyện tìm hiểu, năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng bà về sống bên nhà chồng. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, ông Bình thường x đi làm ăn xa không có ở nhà, gánh nặng kinh tế một mình bà D tự lo cho cuộc sống gia đình. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề, mâu thuẫn kéo dài, năm 2019 vợ chồng cãi vã và đã ly thân, bà D dẫn con về nhà mẹ ruột sinh sống. Nay vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Nên, bà D yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Lê Tấn B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai ông bà có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tường V (nữ), sinh ngày 02/01/2006 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Tấn B: Quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cho đến hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông B không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và không bổ sung gì thêm. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến và trong phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có mặt. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Tấn B phát sinh từ quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Ông B cư trú trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Lê Tấn B vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn B.

Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Tấn B là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178/2004, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2004. Theo bà D thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà D và ông B bắt đầu từ sau khi kết hôn vợ chồng bà về sống bên nhà chồng. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, ông Bình thường x đi làm ăn xa không có ở nhà, gánh nặng kinh tế một mình bà D tự lo cho cuộc sống gia đình. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống trở nên nặng nề, mâu thuẫn kéo dài, năm 2019 vợ chồng cãi vã và đã ly thân, bà D dẫn con về nhà mẹ ruột sinh sống. Nay ông bà không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau. Bà D yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Lê Tấn B để ổn định cuộc sống.

Đối với ý kiến của ông Lê Tấn B: Ông B được tòa triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Căn cứ vào hồ sơ đơn kiện và các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của bà D tại bản tự khai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Do đó yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ D phù hợp với giấy khai sinh số 05/2006, quyền số 01 ngày 05/01/2006 Ủy ban nhân dân phường H, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có đủ căn cứ xác định giữa bà D và ông B có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tường V (nữ), sinh ngày 02/01/2006 (đã trưởng thành), nên HĐXX không xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 482 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn ông Lê Tấn B.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Tường V (nữ), sinh ngày 02/01/2006 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0005558 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

3/ Q kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực **hiện việc ĐKKH**;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan